

KQ/260004996
 No.: NA260327-05NT01

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI BROTEX VIỆT NAM - Lô số 48, 49, 50 và lô số 51, 52, đường N14, KCN Phước Đông, Tỉnh Tây Ninh**
 Tên mẫu/ Name of sample : Nước thải
 Số lượng/ Quantity : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 27/03/2026
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 09/04/2026
 Mô tả mẫu/ Description : Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	Quy chuẩn đầu nổi của KCN Phước Đông
					NT01	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,01	5,5 ÷ 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)/ Total suspended solids	mg/L	SMEWW 2540D:2023	1,5	19,6	150
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	3,0	50,0	250
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	1,0	22,5	150
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)/ Ammonium (NH ₄ ⁺ as N)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .B&C:2023	0,5	7,7	10
6	Tổng N/ Total N	mg/L	TCVN 6638:2000	1,0	21,0	40
7	Tổng P/ Total P	mg/L	SMEWW 4500- P.B&E:2023	0,01	1,7	6
8	Dầu mỡ động thực vật/ Animal & vegetable fats and oils	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,0	6,7	-
9	Tổng Coliform/ Total Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	2	4,9x10 ³	5.000

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo, không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement, Partial copies of this test result sheet are not allowed;
- Các thông tin về mẫu (Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng) do khách hàng cung cấp / The sample information (Sample name, sample code, customer name) is provided by the customer;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- (-): Không quy định/ No specified;
- NT01: Nước thải sau hệ thống xử lý công suất 750m³/ngày.đêm tại hố ga đầu nổi nước thải với KCN (Khu B).

Tọa độ: 11°7'38,934"N – 106°20'50,985"E.

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy


**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**

Hoàng Hoài

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com